TOÀ ÁN NHÂN DÂN TP THÁI NGUYÊN **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 245/2020/QĐST-HNGĐ	*TP Thái Nguyên, ngày 26 tháng 5 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án ly hôn thụ lý số 213/2020/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 3 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Anh Phạm Xuân V, sinh năm 1988

HKTT: Tổ 9, phường T, thành phố TN, tỉnh TN

Bị đơn: Chị Vũ Thị Bảo N, sinh năm 1994

HKTT: Tổ 9, phường T, thành phố TN, tỉnh TN

Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55,57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 357; Điều 468 Bộ luật Dân sự ;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 5 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: nguyên đơn anh Phạm Xuân V và bị đơn chị Vũ Thị Bảo N

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Xuân V và chị Vũ Thị Bảo N nhất trí thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Các đương sự xác định có hai con chung, con thứ nhất

tên Phạm Vũ BC, sinh ngày 02/11/2012, con thứ hai tên Phạm BL, sinh ngày 19/8/2017. Sau khi ly hôn anh V và chị N thỏa thuận, Anh V trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm Vũ BC, đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi); chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung cháu Phạm BL, đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi).

Anh V, chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh V và chị N tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung:

Tài sản chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Nợ chung: Các đương sự xác định không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4 Về án phí: Anh Phạm Xuân V tự nguyện nộp 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước; hoàn trả anh V 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu số 0002863 ngày 20/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố TN.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;
- VKSND thành phố TN;
- UBND phường T, TP TN;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Quý My